

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/HSST
Ngày 21-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và ông Trần Quang Ngà.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 2001 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Số 22/5 đường C, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn M và bà: Lê Thị H; có vợ là: Lê Thị N, có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/6/2021, sau đó bị tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-Người chứng kiến: Ông P sinh năm 1978; địa chỉ: Làng P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Qua các mối quan hệ xã hội, T có số điện thoại của đối tượng T (chưa xác định được nhân thân) là người bán ma túy. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/6/2021, T gọi điện thoại cho T (chưa xác định được nhân thân) hỏi mua ma túy đá với giá 3.000.000 đồng; T đồng ý và hẹn T đến sân bóng làng P, phường Y, thành phố P để giao dịch.

Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 81B2-63... đến điểm hẹn và mua của Tý 02 gói ma túy đá với giá 3.000.000 đồng, mục đích để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, T cất vào túi áo khoác mặc trên người rồi điều khiển xe mô tô biển số 81B2-63... đi về nhà. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, khi T đến hẻm 78 đường L, làng P, phường Y, thành phố P thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 02 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô biển số 81B2-63...; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng trắng kèm sim số; 500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kết luận giám định số: 431/KLGD ngày 18/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, đã kết luận: *“Toàn bộ chất rắn dạng tinh thể, màu trắng trong 02 gói nilon được niêm phong trong bì công văn gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 2,3257 gam”*.

Cáo trạng số: 126/CT-VKS, ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Nguyễn Đức T về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Nguyễn Đức T phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều: 38, 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức T: Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tịch thu và tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định và 01 sim số; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng – trắng; trả lại số tiền 500.000 đồng cho bị cáo.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo cung cấp đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã đủ căn cứ khẳng định: Vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 10/6/2021, tại hẻm 78

đường L, làng P, phường Y, thành phố P, khi Nguyễn Đức T đang tàng trữ 2,3257 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang.

[4] Khi thực hiện hành vi tàng trữ ma túy, Nguyễn Đức T đã trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; và nhận thức được hành vi tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm gia tăng tệ nạn xã hội và tội phạm tại địa phương.

Từ những nhận định tại các luận điểm [1] đến [4] như đã nêu trên đã có đủ căn cứ tuyên bố Nguyễn Đức T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo không bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị xét xử ở điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, vì đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội.

Từ những đánh giá các tình tiết liên quan đến việc lượng hình nêu trên, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; phù hợp với nhận định, đánh giá của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay. Việc áp dụng hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, giáo dục, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng và khối lượng không lớn.

[6] Xử lý vật chứng: Khối lượng ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 01 sim số, là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không có giá trị nên tuyên tịch thu và tiêu hủy theo các điểm: a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng – trắng, là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Số tiền 500.000 đồng, là tài sản của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xem xét các hành vi của người có liên quan: Quá trình điều tra, không xác định được đối tượng tên Tý đã bán ma túy cho Nguyễn Đức T, nên chưa có căn cứ điều tra, xử lý đối tượng.

Bà Lê Thị H đã cho Nguyễn Đức T mượn xe mô tô biển số 81B2-63..., nhưng bà H không biết việc T sử dụng xe để đi mua ma túy, nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đã trả lại mô tô nêu trên cho bà H, là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Nguyễn Đức T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- *Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều: 38, 50 của Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Nguyễn Đức T 02(hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 10-6-2021.

-*Căn cứ vào các điểm: a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

-*Áp dụng các Điều: 46, 47 của Bộ luật hình sự;*

Tịch thu và tiêu hủy: Khối lượng ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, được đựng trong 01 bì công văn ghi số: 431/PC09 ngày 18/6/2021, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai; và 01 sim số.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng – trắng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức Tiên: Số tiền 500.000 đồng.

Vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

-*Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

-*Căn cứ vào các Điều: 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Báo cho: Bị cáo Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án là ngày 21 tháng 9 năm 2021.

Nơi nhận:

- VKSND TP. P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Bị cáo Nguyễn Đức T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thương